

Số: 279/2024/QĐST-DSST

Quận 5, ngày 18 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/DSST ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 10 tháng 9 năm 2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hiếu N – Chức vụ : Chuyên viên Thu hồi nợ và Thanh lý tài sản

Địa chỉ: A Chung cư L, phường A, quận B.

Bị đơn: Ông Châu P, sinh năm 1955;

Địa chỉ: 1 V, Phường A, Quận E, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Tiên T, sinh năm 1978 (Giấy ủy quyền số 002663, quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2024)

Địa chỉ: Số A - A V, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ

Ngân hàng TMCP S và ông Châu P xác nhận có ký hợp đồng đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của N1 hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) vào ngày 23 tháng 7 năm 2020. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng visa, số thẻ 466243-6652, hạn mức 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.48%/tháng (lãi suất trong hạn) cho ông Châu P.

Hai bên xác nhận tổng số tiền mà bị đơn là ông Châu P còn nợ nguyên đơn tạm tính đến ngày 10 tháng 9 năm 2024 là 333.785.436 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng); trong đó: Nợ gốc 252.359.156 đồng; Lãi quá hạn: 81.426.280 đồng.

2.2. Về trách nhiệm thanh toán

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S đồng ý cho ông Châu P thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày 10 tháng 9 năm 2024 với số tiền là 333.785.436 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng); trong đó: Nợ gốc 252.359.156 đồng; Lãi quá hạn: 81.426.280 đồng thành 06 đợt, thanh toán vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 25 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

+ Đợt 1 (ngày 25 tháng 9 năm 2024): thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

+ Đợt 2 (ngày 25 tháng 10 năm 2024): thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

+ Đợt 3 (ngày 25 tháng 11 năm 2024): thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

+ Đợt 4 (ngày 25 tháng 12 năm 2024): thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

+ Đợt 5 (ngày 25 tháng 01 năm 2025): thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)

+ Đợt 6 (ngày 25 tháng 02 năm 2025): thanh toán số tiền 83.785.436 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11 tháng 9 năm 2024 đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông P vi phạm một trong bất kỳ kỳ thanh toán nào thì Ngân hàng sẽ yêu cầu thi hành án theo quy định; đồng thời, ông P sẽ phải thanh toán ngay một lần toàn bộ dư nợ gốc, lãi và lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng ngày 23 tháng 7 năm 2020.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Châu P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.344.636 đồng (tám triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng).

- H lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.467.218 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011140 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cô Hồng Mươi